

Bản án số : 28/2020/HNGĐ-ST

Ngày 12/9/2020

V/v: “Tranh chấp Hôn nhân và gia đình giữa :

Chị Bùi Thị Tt và anh Lê Xuân Đ”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ỨNG HOÀ - TP HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa : Ông Nguyễn Thành Trung

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trịnh Thị Tuyên;

2. Ông Đặng Viết Côi

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Lành – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ứng Hòa, TP Hà Nội

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ứng Hòa tham gia phiên Tòa :
Bà Nguyễn Thị Khuyển - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 170/2020/TLST – HNGĐ ngày 25 tháng 06 năm 2020 về Tranh chấp Hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2019/QĐXX – ST ngày 29 tháng 6 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 17/2020/QĐST – DSST, ngày 25/8/2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn : Chị Bùi Thị T , sinh năm 1984, có mặt

2. Bị đơn : Anh Lê Xuân Đ, sinh năm 1988 vắng mặt

Đều HKTT: Thôn P, xã P, huyện U, thành phố Hà Nội.

3. Người làm chứng : Ông Lê Xuân B, sinh năm 1964, vắng mặt

HKTT: Thôn P, xã P, huyện U, thành phố Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN :

Tại đơn xin ly hôn, bản tự khai, biên bản lấy lời khai - Nguyên đơn Chị Bùi Thị T trình bày : Chị kết hôn với anh Lê Xuân Đ do tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phương Tú, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội vào năm 2015. Vợ chồng chị sau khi kết hôn đã sinh sống cùng gia đình nhà chồng một thời gian ngắn, thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau bất đồng quan điểm trong cuộc sống chung vợ chồng thường xuyên va chạm, xích mích. Chị đã về nhà quê ngoại ở Thanh Hóa sinh sống. Vợ chồng sống

ly thân một thời gian dài, không còn quan tâm đến ai. Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị xin được ly hôn để ổn định cuộc sống.

Về con chung : Vợ chồng có 01 con chung là cháu Lê Đ, sinh ngày 08/10/2015. Hiện nay cháu Đ đang ở với chị, khi ly hôn chị xin được nuôi con, không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản, công nợ chung: Chị xác nhận là không có gì, không đề nghị giải quyết.

Bị đơn : Anh Lê Xuân Đ vắng mặt nên không có quan điểm.

Tại biên bản lấy lời khai – Người làm chứng ông Lê Xuân B trình bày: ông là bố đẻ của anh Lê Xuân Đ, năm 2015 gia đình ông tổ chức cưới cho anh Đôn và chị Tuyết. Sau khi cưới vợ chồng anh Đ, chị T sống cùng gia đình ông tại thôn Động Phí, xã Phương Tú. Sau đó ông được biết vợ chồng anh Đ, chị Tuyết sống không có hạnh phúc, chị T đã về quê ngoại trong Thanh Hóa. Ông không mong muốn các con ly hôn nhưng nếu không còn tình cảm, sống chung không có hạnh phúc thì giải thoát cho nhau theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa :

- Anh Lê Xuân Đ vắng mặt không lý do;
- Chị Bùi Thị T vẫn tha thiết xin được ly hôn và xin được nuôi con;
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ứng Hòa tham gia phiên tòa kết luận:

+ Về tố tụng : Tòa án nhân dân huyện Ứng Hòa đã thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, tiến hành tố tụng là đúng pháp luật. Người tham gia tố tụng được thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung : Vợ chồng chị Bùi Thị T và anh Lê Xuân Đ trong cuộc sống vợ chồng không hợp nhau, không có hạnh phúc. Vợ chồng không có tình cảm, đã sống ly thân thời gian dài. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, xử : Chị Bùi Thị Tuyết được ly hôn anh Lê Xuân Đôn; về con chung : Giao chị Bùi Thị Tuyết nuôi con chung; về tài sản, công nợ chung : không có nên không giải quyết; chị Tuyết phải chịu án phí theo qui định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN :

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án, thẩm tra chứng cứ tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về thẩm quyền và tố tụng:** Nguyên đơn chị Bùi Thị Tt đã nộp đơn cùng các tài liệu, chứng cứ theo quy định. Tranh chấp của vụ án là tranh chấp về Hôn nhân và gia đình – Theo khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 36, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ứng Hòa, TP Hà Nội. Bị đơn anh Lê Xuân Đ vắng mặt tại địa phương, Tòa án đã tiến hành xác minh và niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định tại Điều 179 Bộ luật tố tụng hình sự. Ngày 25/8/2020 Tòa mở phiên tòa xét xử vụ án nhưng anh Đ vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử đã hoãn phiên tòa và giao các văn bản tố tụng theo qui định, tại phiên tòa hôm nay anh Đ vẫn vắng mặt, căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] **Về nội dung :**

2.1 Về quan hệ hôn nhân: chị Bùi Thị T và anh Lê Xuân Đ kết hôn do tự nguyện, có đăng kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phương Tú, huyện Ứng Hòa, Thành phố Hà Nội vào năm 2015 là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc được một thời gian ngắn thì mâu thuẫn. Do nhiều nguyên nhân khác nhau nên cuộc sống chung vợ chồng không có hạnh phúc. Chị T về quê ngoại trong Thanh Hóa, không ai quan tâm đến ai. Vợ chồng sống ly thân một thời gian dài. Nay chị T nhận thấy không còn tình cảm với anh Đ, chị xin ly hôn để ổn định cuộc sống. Qua xác minh tại chính quyền địa phương cung cấp : Chị Tuyết , anh Đ sống chung không có hạnh phúc, vợ chồng sống ly thân nhiều năm nay ... đề nghị tòa giải quyết cho chị T được ly hôn anh Đ.

Hội đồng xét xử xét thấy: Tình trạng hôn nhân, mâu thuẫn giữa vợ chồng chị T, anh Đ đã đến mức trầm trọng, cuộc sống vợ chồng không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân là không đạt được nên xử cho chị T được ly hôn với anh Đ phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình.

2.2 Về con chung : Vợ chồng chị T, anh Đ có 01 con chung là Lê Đ, sinh ngày 8/10/2015. Khi ly hôn chị Tuyết xin được nuôi các con, không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng. Xét yêu cầu xin được nuôi con của chị T là hoàn toàn chính đáng. Hơn nữa, cháu Đ từ khi sinh ra cho đến nay chủ yếu sống cùng nên giao con cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với khoản 1 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con đối với anh Đ cho đến khi có đề nghị thay đổi mới. Anh Đ có quyền thăm con chung sau khi ly hôn không ai được cản trở là phù hợp với Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân gia đình.

2.3 Về tài sản, công nợ chung: Chị T trình bày là không có gì nên Tòa không giải quyết; trường hợp sau này anh Đ trở về có yêu thì có quyền khởi kiện thành vụ án khác.

[3] Về án phí và quyền kháng cáo : Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội thì chị Bùi Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm. Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định tại các Điều 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ứng Hòa, kiểm sát viên tham gia phiên Tòa đã nhận xét về thủ tục tố tụng Tòa án đã thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự. Quan điểm giải quyết vụ án đã phân tích, đánh giá mâu thuẫn của vợ chồng chị Tt, anh Đ và đề nghị Tòa xét xử cho chị Bùi Thị T được ly hôn anh Lê Xuân Đ. Giao chị T nuôi cháu Lê Đ. Tài sản, công nợ chung chị T trình bày là không có gì nên không giải quyết, về án phí chị T phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Bởi các lý trên;

QUYẾT ĐỊNH :

Căn cứ vào : Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 36, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, các Điều 271; 273; 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Tuyên xử : Chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Bùi Thị T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị T được ly hôn anh Lê Xuân Đ.

2. Về con chung : Giao chị Bùi Thị T nuôi con chung là cháu Lê Đ, sinh ngày 8/10/2015 cho đến khi các cháu trưởng thành hoặc có đề nghị mới. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con đối với anh Đ không đặt ra cho đến khi có đề nghị khác. Anh Đ có quyền thăm con chung sau khi ly hôn.

3. Về án phí : chị Bùi Thị T phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0009660 ngày 22/5/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Ứng Hòa, chị T đã nộp đủ tiền án phí.

4. Về quyền kháng cáo : Nguyên đơn, bị đơn, được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án đối với chị T, kể từ ngày nhận được bản án được giao hợp lệ hoặc được niêm yết tại nơi thường trú đối với anh Đ./.

Nơi nhận :

- TANDTP Hà Nội;
- VKSND huyện Ứng Hòa;
- Chi cục T.H.A dân sự huyện Ứng Hòa;
- UBND xã Phương Tú, Ứng Hòa, TP Hà Nội;
- Các đương sự;
- Lưu : Hồ sơ vụ án; VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thành Trung